

KHÁC BIỆT GIỚI TRONG CƠ CẤU VIỆC LÀM CỦA THANH NIÊN NÔNG THÔN VÙNG TÂY NAM BỘ

PHẠM NGỌC TÂN*

Tóm tắt: Tây Nam bộ là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã tạo nhiều cơ hội việc làm cho thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ. Tuy nhiên, cơ hội việc làm không phải là như nhau đối với các nhóm xã hội, mà có sự khác biệt theo giới tính, nhóm tuổi, học vấn, địa bàn cư trú... Với bài viết này, tác giả đã sử dụng phần mềm SPSS để phân tích bộ số liệu của Đề tài cấp Nhà nước “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” được thực hiện năm 2016 nhằm nhận diện sự khác biệt giới trong cơ cấu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ hiện nay.

Từ khóa: Giới; khác biệt giới; cơ cấu việc làm; thanh niên nông thôn; vùng Tây Nam bộ.

Abstract: The Southwest of Vietnam is the key agricultural economic area of the country and the Southeast Asia region. The process of industrialization and modernization, as well as economic restructuring have brought many employment opportunities for rural youth in the Southwest area. However, the opportunities are not similar for all social groups, they vary according to gender, age, education, and residences, etc. In this article, the author used SPSS software to analyze the data set of the research “Developing human resource and high-quality manpower for the sustainable development of the Southwest area” conducted in 2016 to identify gender differences in the structure of rural youth’s employment in the Southwest area.

Keywords: Gender; gender differences; employment structure; rural youngsters; the Southwest area.

1. Đặt vấn đề

Tây Nam bộ là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm với xuất khẩu lương thực chiếm 92%; thủy sản hơn 60% tổng sản lượng cả nước. Kể từ sau đổi mới, kinh tế tăng trưởng nhanh đồng thời phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo diễn ra gay gắt hơn so với các vùng khác trong cả nước. Hệ quả kéo theo là phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội về giới mang những đặc thù riêng của vùng, khác với các vùng khác mà lâu nay chưa được quan tâm nghiên cứu (Nguyễn Văn Tiệp, 2017).

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Theo số liệu điều tra quốc gia năm 2016, vùng Tây Nam bộ có lực lượng lao động khoảng 10,5 triệu người với chênh lệch về tỷ trọng giữa nữ giới (45,1%) và nam giới (54,9%) cao nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội; tỷ trọng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của vùng là: 47,8% nông nghiệp; 19,9% công nghiệp và 32,3% dịch vụ; tỷ lệ lao động qua đào tạo và tỷ trọng lao động có trình độ đào tạo đại học trở lên thấp nhất với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 12,2% và 5,5% (Tổng cục Thống kê, 2017). Cùng với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng ở vùng Tây Nam bộ đã tạo cơ hội cho việc tìm kiếm việc làm của người lao động trên thị trường lao động đa dạng hiện nay. Tuy nhiên, cơ hội có việc làm không phải được tiếp nhận dễ dàng như nhau đối với các nhóm xã hội, mà có sự khác biệt dựa trên nhiều yếu tố như giới tính, độ tuổi, học vấn, nơi cư trú... (Nguyễn Văn Tiệp, 2017). Nhận diện được cơ cấu việc làm hiện tại của lực lượng lao động sẽ góp phần làm cơ sở cho việc xây dựng các dự án tạo việc làm và các chiến lược trong giai đoạn phát triển tiếp theo ở vùng Tây Nam bộ. Trong đó, việc nhận diện cơ cấu việc làm của thanh niên nông thôn có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa khu vực nông thôn Tây Nam bộ.

Câu hỏi đặt ra là tình hình việc làm của các nhóm nữ và nam thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ hiện nay như thế nào? Các nhóm nữ và nam thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ đang làm việc gì và cơ cấu việc làm đó ra sao? Liệu có sự khác biệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên nông thôn đó trong phân công lao động xã hội và gia đình? Và sự khác biệt đó là gì trong mối quan hệ giữa hai giới? Với bài viết này, tác giả sử dụng phần mềm SPSS để phân tích bộ số liệu của Đề tài cấp Nhà nước về “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” (Mã số: KHCN/14-19/X05) nhằm nhận diện sự khác biệt giới trong cơ cấu việc làm của niên nông thôn vùng Tây Nam bộ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Theo quan điểm xã hội học, cơ cấu xã hội là kết cấu và hình thức tổ chức bên trong của một hệ thống xã hội nhất định, biểu hiện như là một sự thống nhất tương đối bền vững của các nhân tố, các mối liên hệ, các thành phần cơ bản nhất của hệ thống xã hội đó. Cơ cấu việc làm là một bộ phận của cơ cấu xã hội, hơn thế nữa, là bộ phận có quan hệ mật thiết với phân tầng xã hội, vị thế, vai trò và các thiết chế xã hội. Cơ cấu việc làm là tổng thể kết cấu, hình thức tổ chức hoạt động lao động sản xuất - nghề nghiệp của một xã hội nhất định (Nguyễn Văn Chánh, 2008). Bài viết này sẽ tập trung vào phân hệ cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế để tìm hiểu xem ngành kinh tế nào (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) đang có khả năng thu hút được nhiều nhất các nhóm thanh niên nông thôn khu vực Tây Nam bộ và có hay không sự khác biệt giữa nam và nữ.

Đề tài KHCN/14-19/X05 đã được tiến hành khảo sát năm 2016 tại 1.512 hộ gia đình với việc trực tiếp phỏng vấn 3.304 cá nhân từ 15-65 tuổi thuộc 5 tỉnh là An Giang, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ. Để thực hiện bài viết này, tác giả đã chiết xuất từ bộ số liệu gốc của Đề tài KHCN/14-19/X05 được 01 file bao gồm các thông tin trả lời của 566 thanh niên (từ 16-35 tuổi; không bao gồm học sinh sinh viên và những người không làm việc) tại 7 địa bàn nông thôn (xã Vĩnh Hanh, xã An Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An

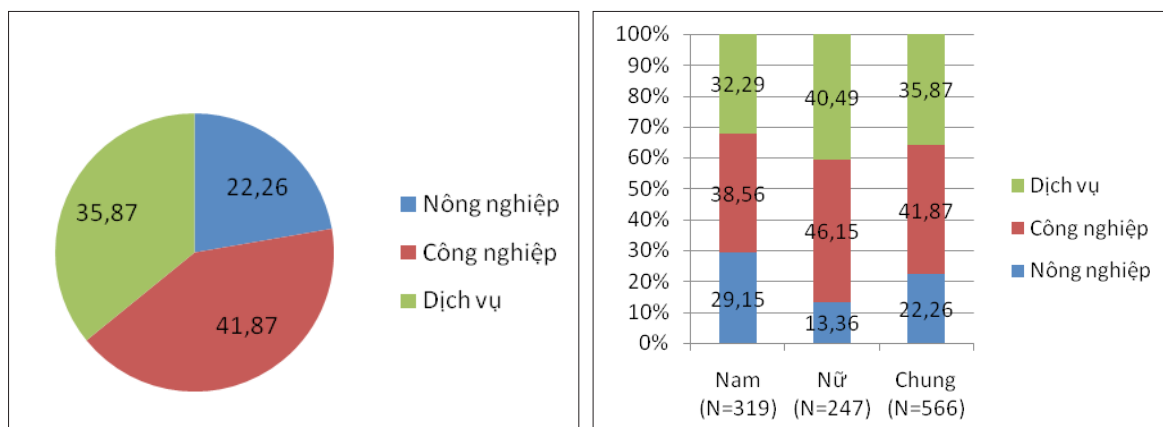
Giang; xã Đa Lộc, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; xã An Thạnh, Thị xã Bến Lức, tỉnh Long An; xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Mẫu nghiên cứu trong bài viết này bao gồm 566 thanh niên nông thôn với sự phân bố theo các đặc trưng như sau: giới tính (56,4% là nam và 43,6% là nữ), nhóm tuổi (24,91% là 16-24 tuổi; 41,34% là 25-30 tuổi và 33,75% là 31-35 tuổi), trình độ học vấn (14,5% chưa từng đi học; 29,7% Tiểu học; 20,7% THCS; 14,5% THPT; 20,7% học nghề và trung cấp trở lên), dân tộc (62% dân tộc Kinh và 38% dân tộc khác), tôn giáo (28,8% không tôn giáo và 71,2% có tôn giáo), tình trạng hôn nhân (63,1% hiện có vợ/chồng và 36,9% hiện không có vợ/chồng) và địa bàn cư trú (8,5% ở xã Vĩnh Hanh; 10,2% ở xã An Hòa; 8,5% ở xã Bình Hòa; 16,6% ở xã Đa Lộc; 15,2% ở xã Hòa Lợi; 23,7% ở xã An Thạnh và 17,3% ở xã Mỹ Phong).

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả tập trung phân tích các mối tương quan 3 biến số (giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế, giới tính và các đặc điểm nhân khẩu học) của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ trong mẫu nghiên cứu để nhận diện sự khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo các đặc điểm nhân khẩu học (và đơn vị phân tích là các nhóm xã hội). Quan điểm Giới và Phát triển (GAD) được vận dụng xuyên suốt để xem xét cơ cấu việc làm của các nhóm nữ và nam thanh niên nông thôn theo các đặc trưng nhân khẩu học của họ.

3. Một số kết quả nghiên cứu

Biểu 1 cho thấy bức tranh về cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ trong mẫu nghiên cứu và mối tương quan giữa cơ cấu việc làm đó với giới tính của họ.



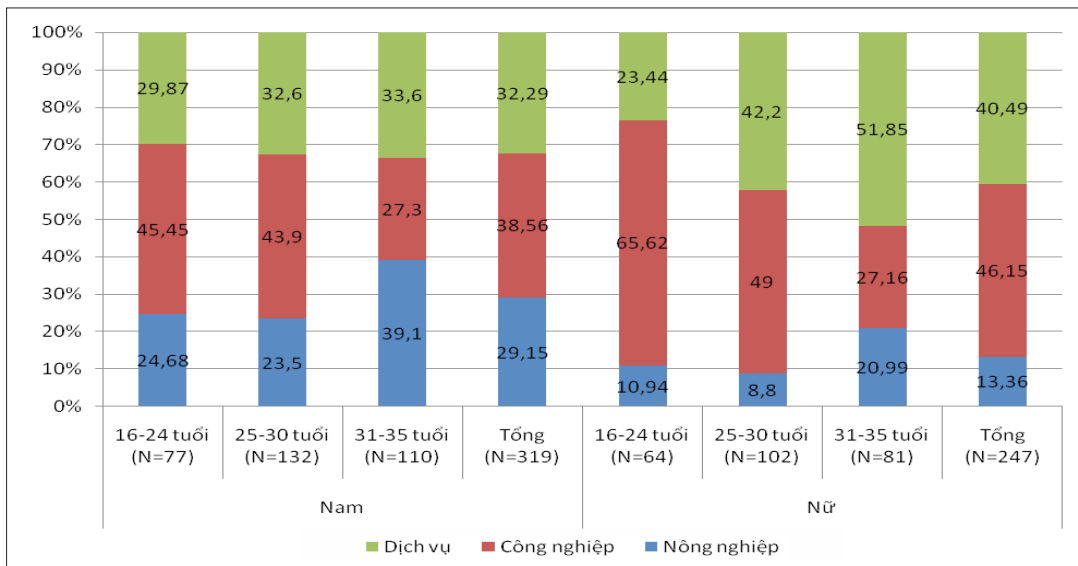
(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

Biểu 1: Cơ cấu việc làm (N=566) và cơ cấu việc làm theo giới

Nhìn vào cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ (N=566) dễ thấy công nghiệp là ngành tạo được nhiều nhất việc làm cho thanh niên trong mẫu nghiên cứu với tỷ lệ 41,87% và nông nghiệp là ngành tạo được ít nhất với tỷ lệ 22,26%.

Bên cạnh đó, khi xem xét mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ trong mẫu nghiên cứu, dễ dàng nhận thấy sự khác biệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,000). Trong khi việc làm ở các nhóm ngành công nghiệp và dịch vụ có sự tập trung phần lớn các nữ thanh niên (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 46,15% và 40,49%; N=247) thì việc làm trong nhóm ngành nông nghiệp lại có sự tập trung chủ yếu của nam thanh niên (29,15%; N=319).

Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phạm Ngọc Tân (2019) về xu hướng muốn thoát ly nông nghiệp của nữ thanh niên vùng Tây Nam bộ mạnh hơn đáng kể so với nam. Tỷ lệ nữ nhiều hơn nam trong nhóm công nhân phần nào phản ánh những điều kiện, cơ hội tiếp cận thị trường lao động tại các công ty, khu công nghiệp với một số chính sách ưu tiên tuyển dụng nữ công nhân. Những sự lựa chọn của nhiều nữ thanh niên là công nhân nhiều hơn nông nghiệp cũng là điều phù hợp với tình hình thực tiễn của việc làm thanh niên ở khu vực nông thôn Tây Nam bộ. Theo Nguyễn Văn Tiệp (2017), nhìn trên quan điểm giới, sự chênh lệch đáng kể giữa nữ và nam về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là nét đặc thù của lao động ở vùng Tây Nam bộ.



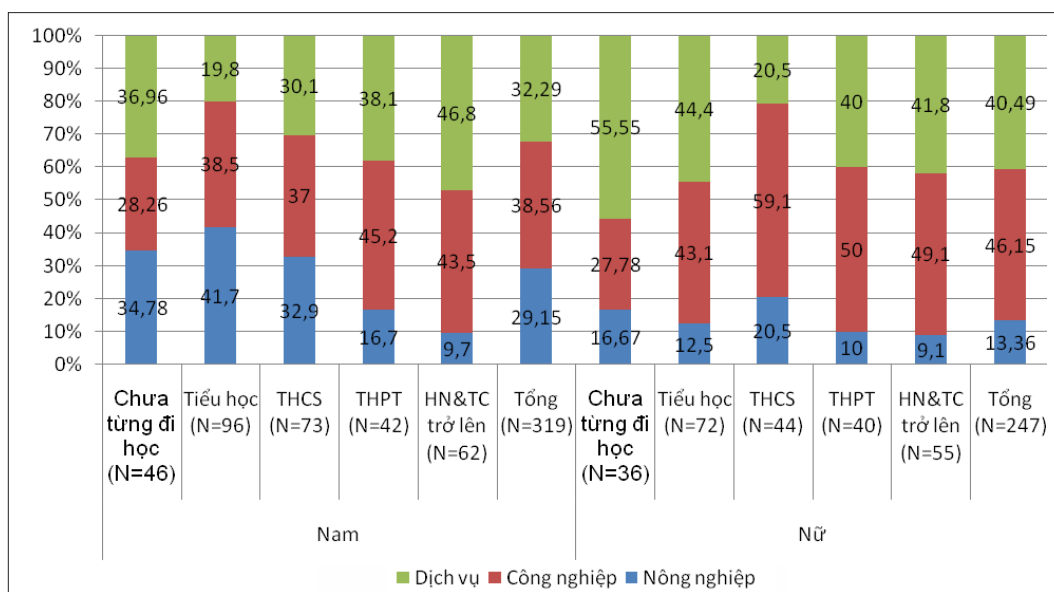
(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

Biểu 2: Khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo nhóm tuổi

Biểu 2 cho thấy mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính và nhóm tuổi của người trả lời. Số liệu cho thấy, có sự khác biệt khá rõ rệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm theo nhóm tuổi (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,05). Trong đó, việc làm trong ngành công nghiệp có sự tập trung nhiều nhất các nữ thanh niên ở nhóm tuổi 16-24 với tỷ lệ 65,62% (N=64) và ít nhất là nhóm nữ thanh niên ở độ tuổi 31-35 với tỷ lệ 27,16% (N=81). Bên cạnh đó, việc làm trong ngành dịch vụ có sự tập trung nhiều nhất là các nữ thanh niên ở nhóm

tuổi 31-35 với tỷ lệ 51,85% (N=81) và ít nhất ở nhóm nữ thanh niên ở độ tuổi 16-24 với tỷ lệ 23,44% (N=64). Đáng chú ý là việc làm trong ngành nông nghiệp lại có sự tập trung nhiều nhất là các nam thanh niên ở độ tuổi 31-35 với tỷ lệ 39,1% (N=110) và ít nhất là các nữ thanh niên ở độ tuổi 25-30 với tỷ lệ 8,8% (N=102).

Kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Tân (2019) cũng đã cho thấy, nhóm thanh niên trẻ tuổi với tâm lý thích khám phá, trải nghiệm, muốn khẳng định mình đã lựa chọn việc làm là công nhân nhiều hơn (chủ yếu là việc làm trong ngành công nghiệp) và khi ở độ tuổi cao hơn, cần phải gánh vác trách nhiệm với gia đình nhiều hơn, họ thường tìm đến những việc làm vừa kiếm được thu nhập ổn định, vừa có thể dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc gia đình (chủ yếu là việc làm trong ngành nông nghiệp). Trong đó, sự khác biệt về việc làm giữa các nhóm nữ và nam thanh niên cũng đã được lý giải.

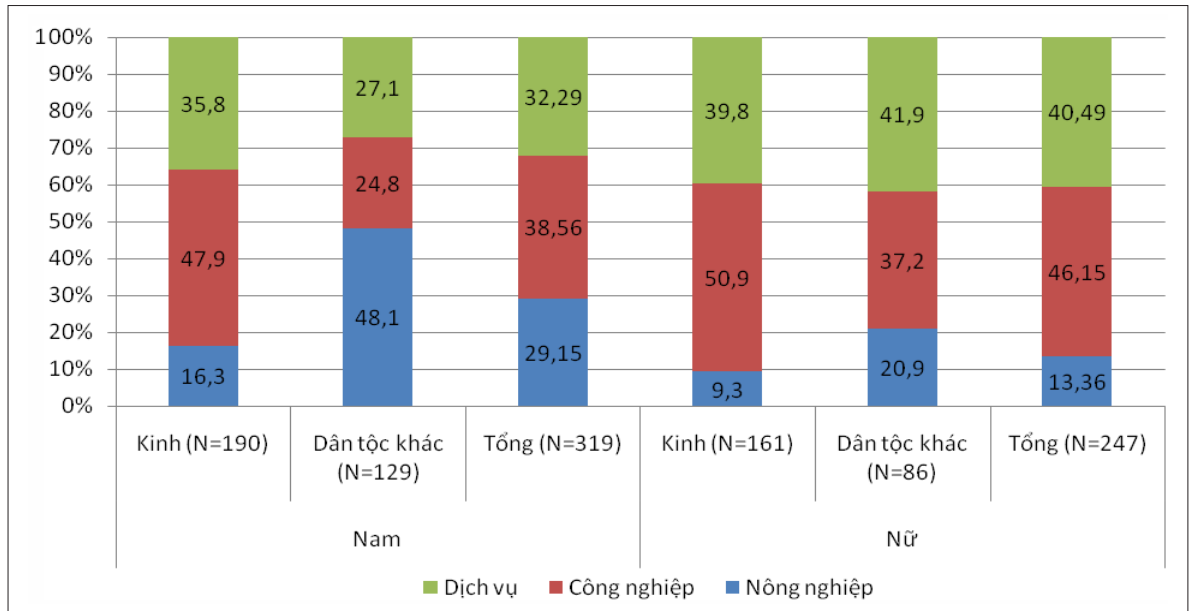


(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

Biểu 3: Khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo trình độ học vấn

Biểu 3 cho thấy mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính và trình độ học vấn của người trả lời. Có thể dễ nhận thấy sự khác biệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm theo trình độ học vấn (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,1). Trong khi việc làm ở ngành công nghiệp có sự tập trung nhiều nhất ở nhóm nữ thanh niên tốt nghiệp THCS (59,1%; (N=44) và ít nhất là nhóm nữ thanh niên chưa từng đi học (27,78%; N=36) thì việc làm trong ngành dịch vụ có sự tập trung nhiều nhất của nhóm nữ thanh niên chưa từng đi học (55,55%; N=36) và ít nhất là nam thanh niên tốt nghiệp tiểu học (19,8%; N=96). Bên cạnh đó, việc làm trong ngành nông nghiệp lại có sự tập trung nhiều nhất là các nam thanh niên tốt nghiệp tiểu học (41,7%; N=110) và ít nhất là các nữ thanh niên tốt nghiệp học nghề và trung cấp trở lên (9,1%; N=102).

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Tiệp (2017) cho thấy bất bình đẳng về giới trong cơ hội việc làm và thu nhập hiện đang là vấn đề cấp bách và chưa có điểm dừng ở vùng Tây Nam bộ. Trong đó, cơ hội việc làm cho nữ giới không nhiều, tập trung chủ yếu ở nhóm nữ thanh niên trẻ, có trình độ văn hóa và tay nghề cao; họ có xu hướng di cư nội vùng và ngoại vùng, chuyển sang làm các nghề phi nông (công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các nghề tự do khác). Trên góc độ lao động, việc làm và thu nhập thì bất bình đẳng giới ở Tây Nam bộ nổi trội hơn so với các vùng khác và là tâm điểm chính của chính sách giới ở vùng Tây Nam bộ phải giải quyết trong hiện tại và tương lai.



(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

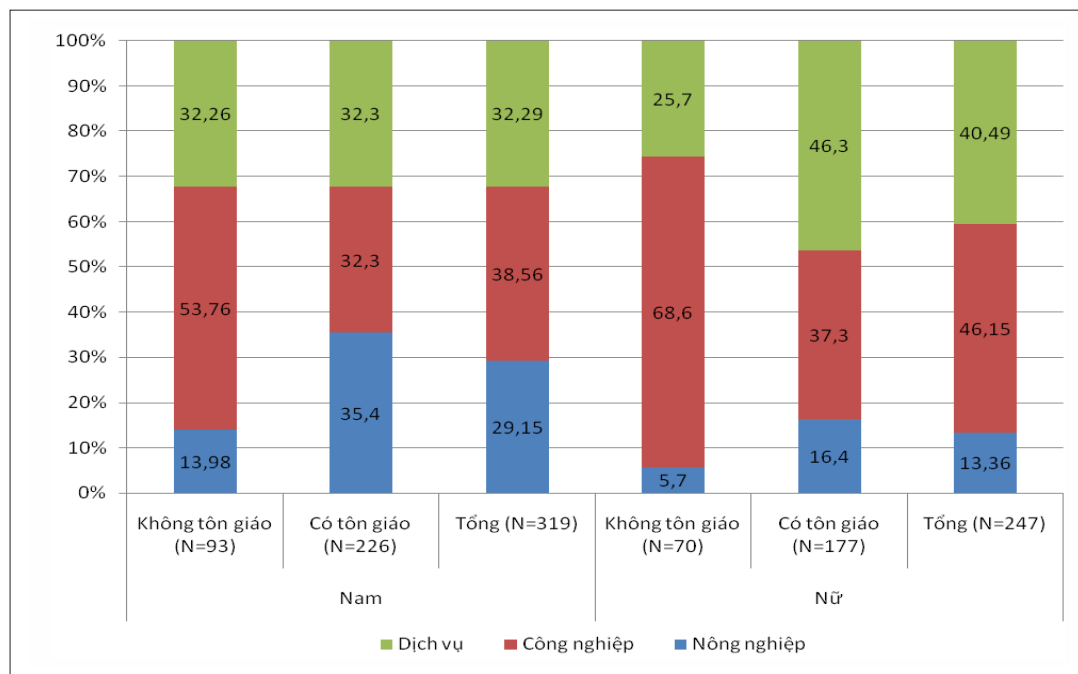
Biểu 4: Khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo dân tộc

Biểu 4 thể hiện mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính và dân tộc của người trả lời. Có thể nhận thấy sự khác biệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm theo dân tộc (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,05). Trong đó, việc làm trong ngành công nghiệp có sự tập trung nhiều nhất các nữ thanh niên dân tộc Kinh (50,9%; N=161) và ít nhất là nhóm nam thanh niên dân tộc khác (24,8%; N=129). Bên cạnh đó, việc làm trong ngành nông nghiệp lại có sự tập trung nhiều nhất là các nam thanh niên dân tộc khác (48,1%; N=129) và ít nhất là các nữ thanh niên dân tộc khác (9,3%; N=161).

Kết quả nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Hoàng Sơn (2006), Nguyễn Thị Ánh & Nguyễn Thị Nghĩa (2014) đều cho rằng, đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam bộ tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Phần lớn trong số họ không có nghề nghiệp ổn định, có trình độ học vấn thấp, chủ yếu là lao động giản đơn làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (trồng lúa, rau màu, nuôi bò, gà, vịt...) và làm thuê (làm

phụ hồ, làm cỏ, bón phân, phun thuốc sâu, khâu vá, cấy mướn, cắt lúa mướn, giúp việc gia đình...). Đó là lực cản không nhỏ đối với phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng Tây Nam bộ nói chung và dân tộc thiểu số nói riêng.

Chính vì vậy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn tiếp theo ở vùng Tây Nam bộ cần được triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phát triển, nhất là những giải pháp tạo việc làm cho nhóm thanh niên dân tộc khác, ở vùng sâu, vùng xa (Phạm Ngọc Tân, 2019).

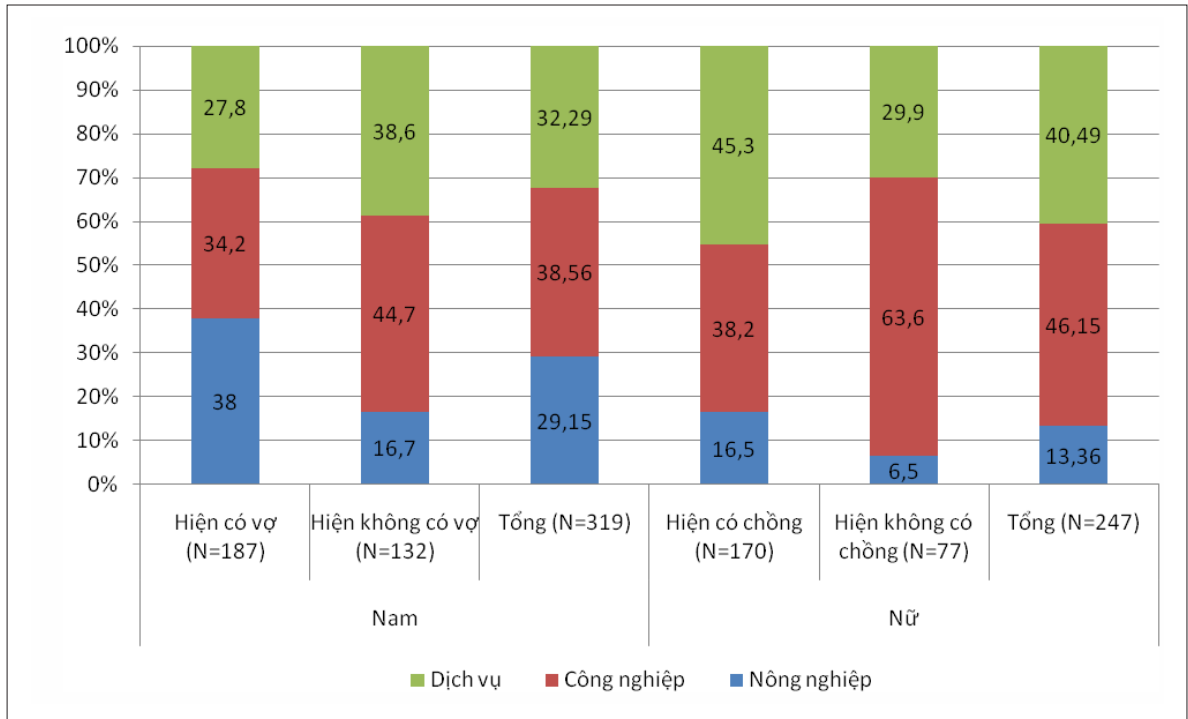


(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

Biểu 5: Khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo tôn giáo

Biểu 5 cho thấy mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính và nhóm tuổi của người trả lời. Có thể nhận thấy sự khác biệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm theo tôn giáo (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,001). Trong đó, việc làm trong ngành công nghiệp có sự tập trung nhiều nhất các nữ thanh niên ở nhóm không tôn giáo (68,6%; N=70) và ít nhất là nhóm nam thanh niên có tôn giáo (32,3%; N=226). Bên cạnh đó, việc làm trong ngành dịch vụ có sự tập trung nhiều nhất là nhóm nữ thanh niên có tôn giáo (46,3%; N=177) và ít nhất ở nhóm nữ thanh niên không tôn giáo (25,7%; N=70). Đáng chú ý là việc làm trong ngành nông nghiệp lại có sự tập trung nhiều nhất của nhóm nam thanh niên có tôn giáo (35,4% (N=226) và ít nhất là nhóm nữ thanh niên không tôn giáo (5,7%; N=70).

Kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Tân (2019) chỉ ra sự khác biệt về việc làm của các nhóm thanh niên nông thôn có tôn giáo khác nhau ở vùng Tây Nam bộ trong mẫu nghiên cứu và gợi ra những cơ sở khoa học cần lưu tâm trong các dự án tạo việc làm cho thanh niên nông thôn của vùng trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

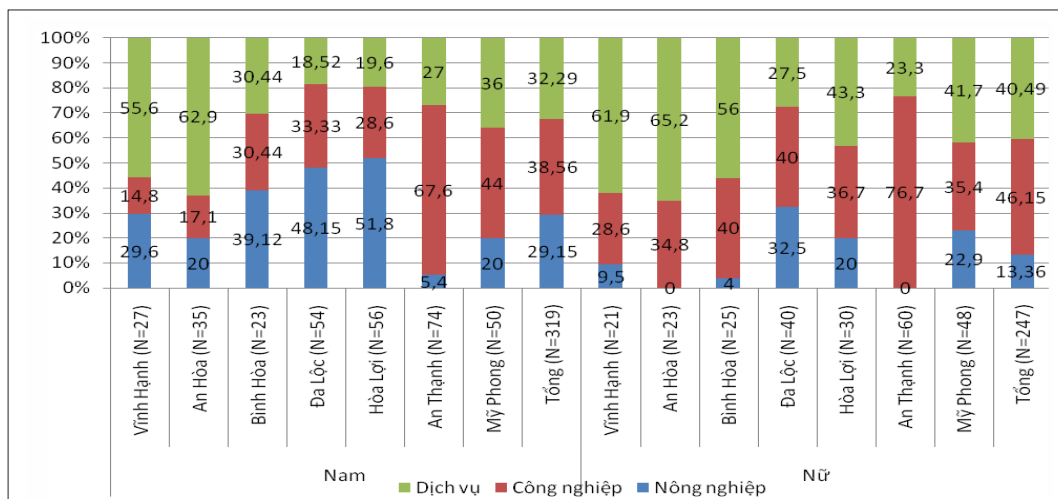


(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

Biểu 6: Khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo tình trạng hôn nhân

Biểu 6 cho thấy mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính và tình trạng hôn nhân của người trả lời. Có sự khác biệt khá rõ nét giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm theo tình trạng hôn nhân (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,001). Trong đó, việc làm trong ngành công nghiệp có sự tập trung nhiều nhất các nữ thanh niên ở nhóm hiện không có chồng (63,6%; N=77) và ít nhất là nhóm nam thanh niên hiện có vợ (34,2%; N=187). Bên cạnh đó, việc làm trong ngành dịch vụ có sự tập trung nhiều nhất là các nữ thanh niên ở nhóm hiện có chồng 45,3%; N=170) và ít nhất ở nhóm nam thanh niên hiện có vợ (27,8%; N=187). Đáng chú ý là việc làm trong ngành nông nghiệp lại có sự tập trung nhiều nhất là các nam thanh niên ở nhóm hiện có vợ 38% (N=187) và ít nhất là các nữ thanh niên ở nhóm hiện không có chồng (6,5%; N=77).

Thực tiễn lao động việc làm của các cặp vợ chồng trẻ là thanh niên nông thôn cho thấy sau thời gian tham gia vào thị trường lao động phi nông nghiệp, đặc biệt là trong các khu công nghiệp, nhiều thanh niên nông thôn đã kết hôn và gặp không ít khó khăn trong cuộc sống gia đình và chăm sóc con nhỏ. Nhiều trong số họ đã chuyển sang ngành nông nghiệp để có thể vừa làm việc kiếm thu nhập vừa có thêm thời gian chăm sóc gia đình (Phạm Ngọc Tân, 2019). Nghiên cứu này thể hiện những kết quả tương đồng và làm rõ thêm sự khác biệt giới trong cơ cấu việc làm của các nhóm nữ và nam thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ theo tình trạng hôn nhân.



(Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05)

Biểu 7: Khác biệt giới trong cơ cấu việc làm theo địa bàn cư trú

Biểu 7 cho thấy mối tương quan giữa cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế với giới tính và địa bàn cư trú của người trả lời. Sự khác biệt được thể hiện khá rõ rệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm theo địa bàn cư trú (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. < 0,001). Trong đó, việc làm trong ngành công nghiệp có sự tập trung chủ yếu ở các nhóm nữ và nam thanh niên ở xã An Thạnh (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 76,7%; N=60 và 67,6%; N=74) và ít tập trung ở các nhóm nam thanh niên ở xã Vĩnh Hạnh và xã An Hòa (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 14,8%; N=27 và 17,1%; N=35). Bên cạnh đó, việc làm trong ngành dịch vụ có sự tập trung chủ yếu ở các nhóm nữ và nam thanh niên ở xã An Hòa (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 65,2%; N=23 và 62,9%; N=35), nhóm nữ và nam thanh niên ở xã Vĩnh Hạnh (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 61,9%; N=21 và 55,6%; N=27), nhóm nữ thanh niên ở xã Bình Hòa (56%; N=25) và ít tập trung ở các nhóm nam thanh niên ở xã Đa Lộc và xã Hòa Lợi (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 18,52%; N=54 và 19,6%; N=56). Đáng chú ý là việc làm trong ngành nông nghiệp lại có sự tập trung chủ yếu là các nhóm nam thanh niên ở xã Hòa Lợi và xã Đa Lộc (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 51,8%; N=56 và 48,15%; N=54) và ít tập trung ở các nhóm nữ thanh niên ở xã Bình Hòa (4%; N=25), nhóm nam thanh niên ở xã An Thạnh (5,4%; N=74), đặc biệt là không có nữ thanh niên trong mẫu nghiên cứu ở các xã An Thạnh (N=60) và xã An Hòa (N=23) không làm việc trong ngành nông nghiệp. Đây là điều dễ hiểu bởi mức độ đô thị hóa, thị trường lao động và các điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau tại các địa bàn cư trú sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu việc làm, sự lựa chọn việc làm trong các điều kiện cụ thể và có thể dẫn đến sự khác biệt giới trong cơ cấu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có sự khác biệt giữa các nhóm nữ và nam thanh niên trong cơ cấu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ trong mẫu nghiên cứu chia theo các đặc trưng nhân khẩu học.

- Việc làm trong ngành công nghiệp có sự tập trung chủ yếu ở các nhóm: nữ thanh niên từ 16-24 tuổi; nữ thanh niên tốt nghiệp THCS; nữ thanh niên dân tộc Kinh; nữ thanh niên không tôn giáo; nữ thanh niên ở nhóm hiện không có chồng; nữ và nam thanh niên ở xã An Thạnh. Việc làm trong ngành công nghiệp ít tập trung ở các nhóm: nữ thanh niên từ 31-35 tuổi; nữ thanh niên chưa từng đi học; nam thanh niên dân tộc khác; nam thanh niên có tôn giáo; nam thanh niên hiện có vợ; nam thanh niên ở xã Vĩnh Hạnh và xã An Hòa.

- Việc làm trong ngành dịch vụ có sự tập trung chủ yếu ở các nhóm: nữ thanh niên từ 31-35 tuổi; nữ thanh niên chưa từng đi học; nữ thanh niên có tôn giáo; nữ thanh niên hiện có chồng; nữ và nam thanh niên ở xã An Hòa; nhóm nữ và nam thanh niên ở xã Vĩnh Hạnh và nhóm nữ thanh niên ở xã Bình Hòa. Việc làm trong ngành dịch vụ ít tập trung ở các nhóm: nữ thanh niên từ 16-24 tuổi; nam thanh niên tốt nghiệp tiểu học; nữ thanh niên không tôn giáo; nam thanh niên hiện có vợ; nam thanh niên ở xã Đa Lộc và xã Hòa Lợi.

- Việc làm trong ngành nông nghiệp có sự tập trung chủ yếu ở các nhóm: nam thanh niên từ 31-35 tuổi; nam thanh niên tốt nghiệp tiểu học; nam thanh niên dân tộc khác; nam thanh niên có tôn giáo; nam thanh niên ở nhóm hiện có vợ; nam thanh niên ở xã Hòa Lợi và xã Đa Lộc. Việc làm trong ngành nông nghiệp ít tập trung chủ yếu ở các nhóm: nữ thanh niên từ 25-30 tuổi; nữ thanh niên tốt nghiệp học nghề và trung cấp trở lên; nữ thanh niên dân tộc khác; nữ thanh niên không tôn giáo; nữ thanh niên hiện không có chồng; nữ thanh niên ở xã Bình Hòa; nam thanh niên ở xã An Thạnh; đặc biệt là không có nữ thanh niên trong mẫu nghiên cứu ở các xã An Thạnh và xã An Hòa không làm việc trong ngành nông nghiệp.

Cần có những nghiên cứu với quy mô sâu và rộng hơn nữa để phân tích rõ hơn các chiều cạnh về cơ cấu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ nhằm cung cấp những luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng của vùng trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa giai đoạn tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Đặng Nguyên Anh (2018). *Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*. Đề tài cấp Nhà nước (Mã số: KHCN/14-19/X05) thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Nguyễn Hoàng Sơn (2006). *Giải pháp xóa đói giảm nghèo trong công đồng dân tộc Khmer Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, số 3+ 4.

Nguyễn Thị Ánh & Nguyễn Thị Nghĩa (2014). *Thực trạng, giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 30 (2014).

Nguyễn Văn Chánh (2008). *Sự biến đổi cơ cấu việc làm của người Châu Mỹ trong quá trình biến đổi kinh tế - xã hội hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai)*. Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP HCM.

Nguyễn Văn Tiệp (2017). *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói của người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.

Phạm Ngọc Tân (2019). *Thực trạng việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ*. Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 3.

Tổng Cục Thống kê (2017). *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2016*. Hà Nội: Nxb Thống kê.